

TÀI NGUYÊN NƯỚC – THỦY LỢI

Nguyễn Xuân Tiệp
CCWR – VNCOLD

Thủy lợi – được gọi là “**ngành nước**”, trong 25 năm qua đã không còn giữ được vai trò “truyền thống” của nó. Thời gian 25 năm tuy không dài, nhưng cũng đủ để phân tích, suy ngẫm và có thể chỉ ra rằng chức năng vốn có của thủy lợi như đã làm nhiều năm trước đây trong điều kiện khó khăn về tiền vốn, nhân lực, công nghệ, nay đã không còn đầy đủ, đang trong tình trạng “long đong” mặc dù đã có thuận lợi về tiền vốn, nhân lực và công nghệ phát triển hơn trước gấp nhiều lần, kết quả đạt được chưa tương xứng

Đã đến lúc cần phải nhìn nhận, đánh giá một cách công bằng, nghiêm túc về thủy lợi, tài nguyên nước bắt đầu từ khái niệm, bản chất, thực tiễn đã trải qua, hướng tới một tổ chức quản lý tài nguyên nước phù hợp hơn

Vì vậy trong bài này không liên hệ sâu vào kết quả cụ thể

I. TÀI NGUYÊN NƯỚC

“Tài nguyên nước bao gồm nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển thuộc lãnh thổ..”, Nguồn nước được tích tụ ở các dạng nước tự nhiên hoặc nhân tạo bao gồm sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, các tầng chứa nước dưới đất; nước mưa...

Theo các tài liệu điều tra, nước chứa trong chứa trong hồ, ao, đầm, phá tự nhiên, hồ chứa nước nhân tạo, với tổng dung tích trữ nước của các hồ chứa nước ước tính khoảng 26 tỷ m³, (dung tích trữ nước của các hồ thủy điện ước tính 19 tỷ m³). Ngoài ra nước còn chứa ở tầng chứa nước dưới đất, nhưng mức độ chứa nước ở các tầng phân bố giữa các vùng đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ, Tây nguyên rất khác nhau

Nguồn “Chiến lược phát triển TNN”

“Con người và các hoạt động của con người, mọi sinh vật không thể tồn tại và phát triển, nếu như không có hoặc thiếu nước”.

Như vậy nước mà chúng ta đang nói đến là **tài nguyên** thiên nhiên quý hiếm, không có thể thay thế được

Tài nguyên nước có rất nhiều đặc điểm, nhưng có một số đặc điểm mà các tài nguyên khác không có, liên quan chặt chẽ với nhau và tác động trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của chính tài nguyên nước, tài nguyên khác và của toàn xã hội

Sáu đặc điểm chính của nguồn nước :

(1) Nước không phải vô hạn, mà là có hạn, được giới hạn bởi sự cân bằng của thiên nhiên

Lượng nước mặt trên lãnh thổ nước ta khoảng 830 – 840 tỷ m³/ năm, trong đó lượng nước sinh ra trên lãnh thổ chỉ chiếm 37%, lượng nước từ nước ngoài chảy vào chiếm 63%. Như vậy nguồn nước ở Việt nam dồi dào, nhưng còn phụ thuộc nguồn nước từ bên ngoài và phân bố không đều theo thời gian mùa và không gian trên lãnh thổ

Nước chứa trong sông ngòi với tổng diện tích lưu vực là 1.167.000 km², trong đó, phần lưu vực nằm ngoài lãnh thổ chiếm 72%. Nước chứa trong hồ, ao, đầm, phá tự nhiên, hồ chứa nước nhân tạo, với tổng dung tích trữ nước của các hồ chứa nước ước tính khoảng 26 tỷ m³, trong đó tổng dung tích trữ nước của các hồ thủy điện ước tính 19 tỷ m³. Ngoài ra nước còn chứa ở tầng chứa nước dưới đất, nhưng mức độ chứa nước ở các tầng phân bố giữa các vùng đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ, Tây nguyên rất khác nhau

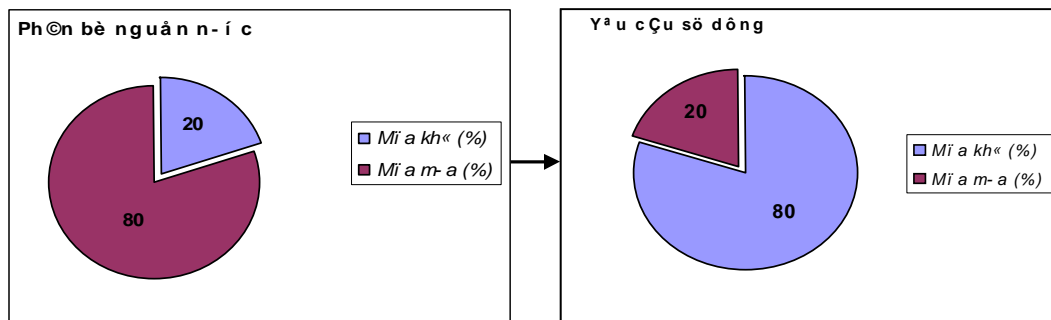
Nước dưới đất, ngoài lượng nước mưa, lượng nước mặt, còn có nước dưới đất. Tuy chưa đánh giá được đầy đủ, nhưng theo tài liệu điều tra, đánh giá thì trữ lượng nước dưới đất các cấp tại một số khu vực, bao gồm: cấp A khoảng 735 nghìn m³ / ngày, cấp B khoảng 813 nghìn m³ / ngày, cấp C1 và C2 khoảng 18.452 nghìn m³ / ngày. Tổng trữ lượng tiềm năng của tầng chứa nước trên toàn lãnh thổ chưa kể phần hải đảo, ước tính vào khoảng 2.000 m³/s, tương ứng khoảng 63 tỷ m³/năm, phân bố không đều giữa các vùng, trong đó trữ lượng nước dưới đất tập trung lớn nhất ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu long và Đông Nam Bộ

Nguồn tài liệu "Chiến lược phát triển Tài nguyên nước"

. Vì vậy dùng nước phải tiết kiệm. Nhà nước đã có chính sách khuyến khích tiết kiệm nước, xây dựng công trình, ứng dụng công nghệ tiên tiến tiết kiệm nước, đảm bảo sự cân bằng nguồn nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước trong vùng, giữa các vùng trên lãnh thổ đang ngày một tăng

(2) Nước được phân bố không đều theo không gian, thời gian, theo lưu vực

Việt nam có 16 lưu vực. Trong đó có 10 lưu vực có diện tích lớn hơn 10.000 km² chiếm 80% diện tích cả nước



Việt nam thuộc vùng khí hậu nhiệt đới, gió mùa. Lượng mưa bình quân hàng năm khoảng 2000mm, phân bố không đều giữa các vùng, Mùa mưa (từ tháng 5 – 11), nhiều nước (chiếm 75 – 85 % tổng lượng nước mưa năm),, tập trung vào lưu vực sông Mê Kông, sông Hồng, trong khi đó yêu cầu dùng nước chỉ cần 20%, làm mất cân đối dẫn đến thừa nước gây ngập lụt. Mùa khô (từ tháng 12 – 4) ít nước (chỉ chiếm 15 – 25%), trong khi đó yêu cầu dùng tăng (80%), làm mất cân đối, dẫn đến thiếu nước, gây hạn hán nghiêm trọng

Vì vậy cần có giải pháp thủy lợi toàn diện (công trình, phi công trình) tuân thủ tính chất lưu vực, điều chỉnh nguồn nước đáp ứng yêu cầu dùng nước trên lãnh thổ (tích nước mùa mưa để sử dụng mùa khô, dẫn nước từ nơi thừa đến nơi

thiếu trên lãnh thổ. Xây dựng một chiến lược phát triển kinh tế, xã hội gắn với phát triển nguồn nước toàn diện, điều chỉnh yêu cầu dùng nước phù hợp với khả năng nguồn nước từng vùng

(3) Tài nguyên nước có quan hệ mật thiết với các tài nguyên khác để phát triển, là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của các tài nguyên khác, nhất là tài nguyên đất, rừng.

Nước không chỉ là đầu vào của sản phẩm nông nghiệp có tươi, mà còn là một trong các “đầu vào” chủ yếu của các loại sản phẩm, thuộc hầu hết các ngành sản xuất, dịch vụ (sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, khai khoáng, giao thông, các dịch vụ...). “ Không có nước sẽ không có tất cả ‘ ‘...có đất và có nước mới thành tổ quốc, có đất lại có nước thì dân giàu nước mạnh ..”. Vì vậy cần có một tổ chức quản lý thống nhất tài nguyên nước đáp ứng yêu cầu dùng nước của các tài nguyên khác, đảm bảo phát triển tài nguyên nước hiệu quả bền vững

Nước cần cho một số sản phẩm công nghiệp

1 kg xi - mang yêu cầu khoảng 350 lít nước

1 kg giấy yêu cầu khoảng 250-500 lít nước

1 kg thép yêu cầu khoảng 300-600 lít nước

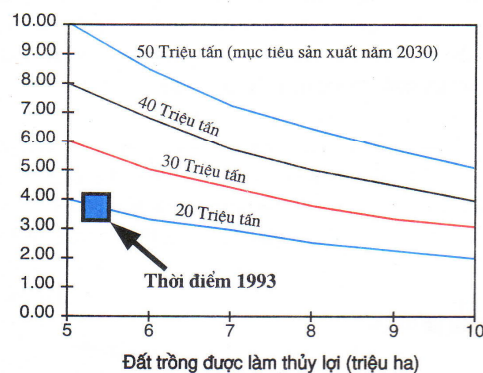
1 kg phân đạm yêu cầu khoảng 500-600 lít nước

Nước cho sản phẩm nông nghiệp có tươi :

Để có 1 kg thóc, tùy từng vùng, kỹ thuật canh tác, trình độ quản lý nước, yêu cầu khoảng 1300-2300 lit nước, thậm chí còn cao hơn, các loại cây trồng khác yêu cầu ít hơn, chưa tính đến các yêu cầu nước cho cho chế biến, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

Theo nhiều tài liệu thì nước quyết định năng suất, chất lượng sản phẩm theo yêu cầu sử dụng, xuất khẩu, nhất là sản phẩm nông nghiệp có tươi (cây trồng) cùng với các yếu tố khác góp phần tăng năng suất lúa từ 16 – 40 %, thậm chí có nơi khô hạn khi có nước đảm bảo năng suất tăng đến 50%

Hình 4.2: Thu hoạch lúa so với đất thu hoạch lúa được tưới tiêu cho các mức độ sản xuất hàng năm khác nhau



Nguồn tài liệu Ngân hàng Thế giới

(4) Nước đang sử dụng không phải là “của trời cho”, nó được cung cấp từ nguồn nước thông qua hệ thống công trình thủy lợi đã được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn và được quản lý vận hành thông qua một tổ chức làm dịch vụ với lực lượng lao động chuyên nghiệp, được đào tạo.

Vì vậy nước được cung cấp để sử dụng có giá thành. Nhà nước cần có chính sách về giá nước phù hợp đối với từng đối tượng sử dụng nước cụ thể, nhằm đảm bảo tính công bằng, khuyến khích tiết kiệm nước, phát triển nguồn nước hiệu quả, bền vững..

Trong nhiều thập kỷ qua nhà nước đã ban hành chính sách thủy lợi phí áp dụng trong cả nước *chỉ mới nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dùng nước trong việc sử dụng nước. Hiện tại Nhà nước vẫn duy trì chính sách “cấp bù thủy lợi phí”, tiến tới một chính sách giá nước đầy đủ, phù hợp*

Luật Thủy lợi 2017 đã tạo khuôn khổ pháp lý, khuyến khích tiết kiệm nước tưới đã được cụ thể hóa bằng Nghị định 77/2018, (*qui định hỗ trợ chi phí vật liệu, máy móc thiết bị, san phẳng ruộng, đầu tư xây dựng trạm bơm điện, cống và kiên cố kênh mương*). Đặc biệt đã ban hành Nghị định 96/2018 *“Qui định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi”*, nhưng khả năng thực thi về giá còn hạn chế, do thiếu sự đồng bộ về quyền và trách nhiệm của cả hai bên :cấp nước” và “nhận nước”, chưa phù hợp với thực tế thể hiện qua xác định “giá” và thực hiện “giá”

Việc tính giá nước do các nhà hoạch định, các nhà khoa học đang tiến hành sẽ trở nên khó khăn nếu không thống nhất được các thành tố cấu thành giá. Tuy phức tạp nhưng không phải khó đến mức không xác định được, nhất là xác định phạm vi và mức độ cần thiết của từng thành tố. Và khó khăn hơn cả là ai quyết định giá (tất nhiên là nhà nước rồi), nhưng ai trả tiền nước theo giá đã được tính toán và đã được “nhà nước” phê duyệt . Căn cứ cơ chế hiện tại thì phần lớn các đối tượng sử dụng nước đều do nhà nước trả tiền nước theo chính sách hỗ trợ cấp bù. Như vậy đã thực hiện một chu trình khép kín chưa hợp lý :“Nhà nước tính giá, nhà nước phê duyệt giá, nhà nước trả tiền nước theo giá nhà nước phê duyệt. Điều này sẽ hạn chế vai trò và tác dụng của “giá nước”, thậm chí không khuyến khích dùng nước tiết kiệm, thậm chí dẫn đến dùng nước lãng phí hơn, do dùng nước không phải trả tiền

Giá nước trong dịch vụ thủy lợi (tưới tiêu) khác xa so với giá nước đối với các dịch vụ khác . Đây là điều cần quan tâm khi xây dựng giá nước tưới tiêu, đặc biệt là hình thành 2 phần của giá là “có định và không có định” rõ nét. Cần đảm bảo được yêu cầu cân bằng chi phí đầu vào và đầu ra cùng với chính sách hỗ trợ để xác định giá nước

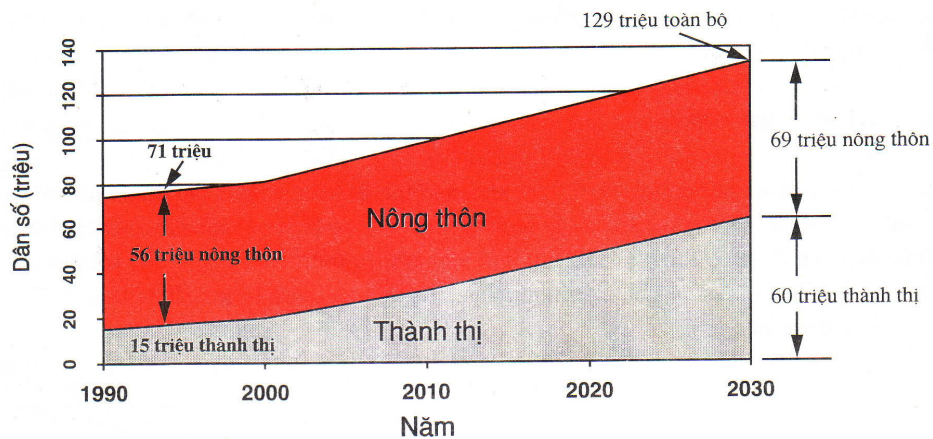
Chính sách hỗ trợ, cấp bù giá nước là đúng đắn đối với người dùng nước, nhưng họ phải được quyền hưởng lợi về giá và có trách nhiệm thực hiện giá qui định, khuyến khích họ tiết kiệm nước sử dụng. Nói cách khác họ phải được quyền sử dụng tiền hỗ trợ để trả tiền nước mà mình đã sử dụng. Vì lợi ích nên họ có trách nhiệm giám sát đánh giá bên cấp nước cấp đủ nước (cả chất và lượng) theo yêu cầu của họ, thúc đẩy họ dùng nước tiết kiệm

Không ít người còn lo ngại trong việc “đo đếm nước” để xác định m3 nước sử dụng, làm căn cứ trả tiền nước . Mét khối nước là một qui ước về khối lượng thông qua đo, đếm bằng công cụ qui ước, có sự thỏa thuận, thống nhất của cả hai bên . nhiều tỉnh đã thực hiện việc này, đặc biệt công nghệ phát triển thì việc đo đếm nước không khó khăn

(5) Kinh tế phát triển, dân số, đô thị hóa tăng, yêu cầu dùng nước ngày càng nhiều đã tạo nên sự bất cập, mất cân đối trong việc cấp và sử dụng nước .

Như vậy việc quản lý khai thác nước hiệu quả, bền vững đã trở nên cấp bách. Để đảm bảo cân bằng nguồn nước bền vững, đáp ứng đúng yêu cầu dùng nước của các đối tượng ngày càng tăng, cần có chiến lược phát triển nguồn nước toàn diện, không chỉ củng cố hoàn thiện hạ tầng thủy lợi mà còn phải cải cách mạnh mẽ về thể chế (cả về tổ chức và cơ chế, chính sách) đang là “nút thắt”, cản trở phát triển nguồn nước hiệu quả, bền vững.

Hình 2.1 : Dự tính dân số của Việt Nam : 1993 - 2030



Do đó yêu cầu nước ngày càng lớn.

- Năm 1990 yêu cầu khoảng 65 tỷ m³
- Năm 2000 yêu cầu khoảng 92 tỷ m³
- Năm 2010 yêu cầu khoảng 121 tỷ m³

Thực trạng về các yêu cầu dùng nước

- Nước sạch nông thôn :
 - Năm 1998: 32% dân số nông thôn được cấp nước sạch
 - Năm 1999: 36% dân số nông thôn được cấp nước sạch
 - Nước phục vụ sinh hoạt đô thị :
 - Thành phố lớn có 60% dân số được cấp nước chủ động
 - Các đô thị trung bình khoảng được cấp 50%
 - Thị xã nhỏ trung bình khoảng được cấp 30%
- (Nguồn tài liệu Ngân Hàng Thế giới)

Trong các thập kỷ gần đây hệ thống thủy lợi phát triển, ngày càng hoàn thiện, đảm bảo việc cấp nước thuận lợi, tạo điều kiện để con người tiếp cận với nước kịp thời, đáp ứng yêu cầu cả về số lượng, chất lượng. Điều này khuyến khích các đối tượng dùng nước ngày càng tăng phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau, trong đó có cả mục đích sản xuất (*nhất là sản xuất nông nghiệp, được tưới “đầy đủ” theo yêu cầu, đã tạo ra chất lượng sản phẩm tốt hơn, năng suất cao hơn, tăng giá trị kinh tế*), đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, xuất khẩu. Các sản phẩm nông nghiệp có tưới, ngoài yêu cầu nước cho tưới còn có yêu cầu nước trong việc chế biến, bảo quản sản phẩm hầu như chưa hề được kiểm tra, giám sát. Đối với tất cả các loại dịch vụ khác, trong đó có cả dịch vụ du lịch không thể thiếu nước. thậm chí sử dụng một lượng nước khá lớn. Lượng nước tiêu thụ trong các loại dịch vụ này ngày càng nhiều hơn (ước tính không nhỏ hơn 5%), yêu cầu về nước khắt khe hơn, không chỉ về lượng mà cả về chất lượng phải tốt hơn so với trước (chưa

tính đến yêu cầu nước phục vụ cho việc mở rộng diện tích được tưới), đồng thời cùng với việc sử dụng nước lãng phí, nhất là điều kiện địa hình, đất đai manh mún, sử dụng nước tùy tiện, không tuân thủ qui trình kỹ thuật, thể chế chưa đồng bộ, công trình xuống cấp..dẫn đến gây thất thoát nước đáng kể. Theo tính toán sơ bộ, chỉ trên diện tích được tưới lúa hiện tại (7,3 triệu ha/năm) mỗi năm lãng phí do quản lý vào khoảng 12 tỷ m³ nước do sử dụng nước chưa hợp lý.

Con người là tác nhân làm cho khí hậu biến đổi ác liệt hơn, tác động đến nguồn nước, dẫn đến tình trạng hạn hán, ngập lụt, đe dọa đến mọi hoạt động của con người và mọi sinh vật. Vì vậy cần có chiến lược phát triển nguồn nước, sử dụng nước toàn diện, nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu hiện nay mà con người đang phải đối mặt

6. Nước không chỉ làm lợi, mà còn có thể làm hại.

“Nhiều nước quá thì úng,lụt, ít nước quá thì hạn hán”. Úng, lụt, hạn hán, gây nhiều thiệt hại về người và của, dẫn đến nhiều hệ lụy về môi trường, sinh thái, đói nghèo, tác động xấu đến an ninh, kinh tế, chính trị, xã hội.. Khi hạn chế mặt hại không đúng cách, cùng với các hoạt động khác tác động không phù hợp, sẽ dẫn đến nhiều bất lợi hơn, ngập úng, bồi lấp, sụt lún, xói lở đất gây mất an toàn

Mặt khác khi khai thác mặt lợi không hợp lý, thiếu sự quản lý thống nhất nước trong từng lưu vực, giữa các lưu vực sẽ dẫn đến mất cân bằng, dẫn đến cạn kiệt nguồn nước nhanh hơn (nước mặt, nước ngầm), thiếu nước, dẫn đến hạn hán, “làm hại”, tác động xấu đến *môi trường, làm xấu đất*, (mặn, phèn), năng suất cây trồng giảm. Vì vậy phải có các *giải pháp toàn diện* phù hợp khai thác tốt mặt lợi, hạn chế tác hại của nước

Giải pháp toàn diện

Qua nhiều thế kỷ, lịch sử phát triển thủy lợi, kết quả và kinh nghiệm thực tế “quản lý tài nguyên nước” ở nước ta có thể khẳng định **6 đặc điểm về tài nguyên nước có liên quan chặt chẽ với nhau**, không thể giải quyết riêng lẻ từng đặc điểm như đã và đang làm, *mỗi ngành, mỗi đơn vị chỉ quan tâm để được “độc quyền” phần việc theo lợi ích riêng, bỏ qua các vấn đề liên quan đến lợi ích chung*, đã tạo sự chòng chẹo trong điều hành, kém hiệu quả, dẫn đến tình trạng mất cân bằng về nguồn nước, nơi thừa, nơi thiếu, hạn hán, ngập lụt, mặn, phèn, ô nhiễm..hạn chế khai thác nguồn nước hiệu quả.

Vì vậy muốn khắc phục những bất lợi, phát huy tốt những yếu tố tích cực 6 đặc điểm cơ bản của nguồn nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước hiệu quả, bền vững chỉ có giải pháp duy nhất, tổng hợp nhất mà nước ta đã từng thực hiện, kể cả trong điều kiện khó khăn trước đây (về vốn, khoa học công nghệ, năng lực cán bộ, thể chế) **đó là giải pháp thủy lợi** .

Cần phải nói thêm rằng “giải pháp thủy lợi” không ngụ ý muốn nói đến phải thành lập một “Bộ Thủy lợi” mới, mà mọi người đang “né tránh” *không muốn nhắc đến, không muốn trở lại cái vốn có, vì lo ngại sẽ tạo ra sự xung đột về lợi ích. mà là nói đến một giải pháp quản lý thống nhất, toàn diện về nước vì lợi ích quốc gia*

II. THỦY LỢI VIỆT NAM

Thủy lợi Việt nam đã hình thành từ nhiều thế kỷ trước, thủy lợi mà mọi người được biết không chỉ đơn thuần là giải pháp chỉ giải quyết nước cho nông nghiệp và dân sinh như nhiều người vẫn nghĩ, mà còn là giải pháp quan trọng đối phó với thiên nhiên (hạn hán, lũ lụt..), cải tạo môi trường, sinh thái..góp phần quan trọng phát triển kinh tế xã hội, phát triển nguồn nước bền vững, hạn chế các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đang diễn ra .

Đặc biệt là từ thế kỷ XVIII, XIX lúa nước thịnh thành nhờ có thủy lợi và được khẳng định “*thủy lợi là công việc của cộng đồng*”. Thủy lợi có bề dày lịch sử phát triển với nhiều kết quả, kinh nghiệm và đã chỉ ra rằng *Thủy lợi thành công không chỉ coi trọng “công trình” như nhiều người mong muốn, mà còn phải coi trọng “phi công trình” (thể chế), như nhiều người vẫn coi nhẹ, thậm chí còn phủ nhận khi thực thi các công việc cụ thể. Thủy lợi để phát triển nguồn nước bền vững, ngược lại phát triển nguồn nước bền vững phải trên cơ sở phát triển thủy lợi bền vững*

Việc quản lý nguồn nước (tài nguyên nước) trong các thập kỷ gần đây đã bị chia tách, bộc lộ sự chông chéo, mỗi ngành thực hiện một công việc riêng rẽ theo “quyền”, gắn với “lợi ích”, chưa **quản lý khép kín** thông qua một tổ chức đầu mối thống nhất, đã dẫn đến các hệ lụy mà mọi người đã biết đến, nhất là trong điều kiện “biến đổi khí hậu” tác động.

Như vậy chưa có thể đảm bảo đầy đủ yêu cầu “...đắt với nước điều hòa với nhau để nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội” như Bác Hồ mong muốn Như vậy !

Thủy lợi là gì ? Có người lại đặt ra câu hỏi : Thủy lợi là ngành gì ?

Cần phải chia sẻ thêm điều này cho dù không muốn, bởi lẽ thủy lợi là một ngành mang tính truyền thống, phù hợp với đặc điểm của thiên nhiên, con người ở nước ta. Và

Theo cách hiểu truyền thống thì *Thủy lợi là các hoạt động, “thông qua giải pháp công trình và phi công trình”, nhằm khai thác mặt lợi, hạn chế mặt hại của nước (nguồn nước) , đảm bảo hài hòa giữa lợi và hại, đáp ứng yêu cầu nước (nguồn nước) phục vụ đời sống, dân sinh, phát triển kinh tế xã hội thông qua một tổ chức với tên gọi “Bộ Thủy lợi” “là cách gọi theo tiếng Hán – Việt “ phù hợp với bản chất đầy đủ của nước “ có lợi – có hại”*. Một tổ chức của ngành nước đã từng được lồng ghép với các ngành khác nhau (nông nghiệp, giao thông, kiến trúc, điện lực) nhưng cuối cùng thủy lợi là một ngành vê ước được ổn định với các tên ‘ Bộ thủy lợi’. tồn tại trong điều kiện đất nước khó khăn nhất, “chiến tranh phá hoại kéo dài, thiên nhiên khắc nghiệt (bão, lũ lụt, hạn hán xảy ra liên tiếp) kinh tế kém phát triển do cấm vận, đói nghèo, an ninh lương thực không đảm bảo, tiền vốn, nhân lực, công nghệ khó khăn. Trong điều kiện đó, ngành nước đã trưởng thành đã góp phần quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội phát triển (trong đó quan trọng nhất là nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh).

Nhiều người không hề nghĩ đến trong điều kiện khó khăn “**ngành nước**” đang phát triển hiệu quả ” vậy mà lại “**lơng đong**”, không được làm công việc của một

ngành tổng hợp về nước, theo đúng với vai trò của nó đã được thử thành qua nhiều thập kỷ .

Theo Luật Thủy lợi

Ban hành, có hiệu lực từ 1 tháng 7 năm 2018 đã khẳng định :
“*Thủy lợi là các giải pháp nhằm tích trữ, điều hòa, chuyển, phân phối, cấp, tưới, tiêu và thoát nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối, kết hợp cấp, tiêu thoát nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế khác, góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an ninh nguồn nước*”. (Điều 2, Luật Thủy lợi).

Như vậy thủy lợi chỉ giới hạn hoạt động với nhiệm vụ quản lý khai thác công trình phục vụ dân sinh khác xa với thủy lợi theo khái niệm truyền thống, bản chất của nó

Phải làm gì khi đã nhận ra điều cần phải làm

Thủy lợi – “ngành nước” đã hình thành và hoạt động trên 70 năm, nhưng gần 25 năm nay “ngành nước” trước đây đã không còn giữ được vai trò “truyền thống” của nó. Thời gian 25 năm tuy không dài, nhưng cũng đủ để phân tích, suy ngẫm và có thể chỉ ra rằng “thủy lợi – ngành nước” không còn trọn vẹn, trong tình trạng “long đong”, mặc dù hiện tại quản lý nước ở nước ta đã có nhiều thuận lợi về tiền vốn, nhân lực và công nghệ lợi hơn trước, tuy kết quả đạt được là chưa tương xứng với công sức, tiền vốn đã bỏ ra, đang ngày càng làm mất cân bằng trong việc quản lý sử dụng nước hiệu quả

Đã đến lúc cần phải nhìn nhận, đánh giá một cách công bằng, nghiêm túc về thủy lợi, tài nguyên nước, nên bắt đầu từ khái niệm, bản chất, thực tiễn đã trải qua, để hướng tới một tổ chức quản lý tài nguyên nước phù hợp hơn, giải quyết đồng thời cả 6 đặc điểm của tài nguyên nước, đảm bảo tài nguyên nước phát triển bền vững ,thông qua một tổ chức duy nhất, thống nhất một đầu mối có thể đó là một Tổ chức độc lập (có ý kiến đề xuất thành lập Bộ độc lập – Ý kiến cũ thể hơn: thành lập một Bộ với tên gọi: Bộ Thủy lợi và Biến đổi khí hậu) hay là một tổ chức quản lý thống nhất nguồn nước đặt trong một tổ chức chung (thuộc một Tổ chức nào đó đó, có liên quan trực tiếp đến quản lý về nước nhiều hơn) miễn là nhiệm vụ quản lý nước được tập trung vào một đầu mối, có sự điều hành thống nhất

Để làm được điều này thuộc trách nhiệm của cơ quan chức năng, tập hợp các chuyên gia có kinh nghiệm, các nhà khoa học hiểu sâu về ngành nước, các nhà hoạch định chính sách có hiểu biết về nước, các trách nhiệm tiến hành nghiên cứu, phân tích để có sự lựa chọn đề xuất một tổ chức quản lý tài nguyên nước thống nhất phù hợp hơn